Tác Giả: Tr□n Văn Giang [ghi chép l□i]
Thứ Năm, 01 Tháng 10 Năm 2009 21:43

L□i gi□i thi□u:□

Có nh□ng t□ ng□ c□a mi□n Nam và mi□n B□c tr□□c ngày 30 tháng 4 năm 1975 vi□t và cách dùng gi□ng nhau; nh□ng đ□ng th□i cũng có r□t nhi□u ch□ vi□t gi□ng y□ nh□ nhau nh□ng ý nghĩa (hòan tòan khác bi□t) d□ dàng gây "hoang mang" (confused) n□u ng□□i đ□c (ho□c ng□□i nghe) không bi□t tr□□c.

□

□ Vi□t Nam sau 1975, vì nhi□u lý do, m□t s□ t□ ng□ c□a mi□n Nam (VNCH) đã b□ thay th□ h□n. Tuy nhiên văn hóa và truy□n thông c□a c□ng đ□ng ng□□i Vi□t t□ n□n CS □ h□i ngo□i v□n ti□p t□c duy trì các t□ ng□ VNCH.

Đã có m□t s□ tác gia hi□n đang s□ng □ h□i ng□ai vi□t v□ v□n đ□ g□i là "cái ch□t c□a ngôn ng□ Sài gòn cũ." Cá nhân tôi không đ□ng ý v□i quan đi□m là ti□ng Sài gon cũ (VNCH)đã ho□c s□ ch□t. Th□c t□ cho th□y dân s□ t□ n□n CS t□i h□i ng□ai g□n 3 tri□u ng□□i hàng ngày v□n dùng và b□o t□n ch□ Sài gòn cũ trong gia đình,trong thánh l□ nhà th□, trong kinh l□ thuy□t pháp Ph□t giáo, trong các sinh h□at thi□u nhi thánh th□ cũng nh□ gia đình ph□t t□… Hi□n nhiên ch□ Sài gòn cũ luôn luôn có s□n và không h□ thi□u thì hà c□ gì chúng ta ph□i dùng đ□n ch□ c□a vi xi (riêng s□ vi□c ng□□i dân Vi□t đang s□ng trong trong n□□c ph□i dùng t□ ng□ CS trong m□i liên l□c, văn hóa là chuy□n cũng d□ hi□u thôi...) Ng□□i Do thái sau khi tan hàng □ Palestine vì có th□ b□ di□t ch□ng (b□i áp l□c c□a H□i giáo và dân □ r□p) c□ ch□c th□ k□ r□. H□ cũng s□ng l□u vong kh□p n□i trên th□ gi□i gi□ng nh□ dân Vi□t ti n□n CS;V□y mà khi v□a m□i tái l□p qu□c gia Do thái □ kh□ang năm 1950 là h□ khai sinh ngay tr□ l□i m□t t□ ng□ (dead language) c□a h□, ti□ng Hebrew, thành m□t sinh ng□ (living language). V□i cái đà xu□ng d□c t□ h□i c□a ch□ nghĩa CS hi□n nay □ Vi□t Nam thì c□ h□i ph□c h□ng c□a ng□□i qu□c gia và s□ tr□ l□i ti□ng Sài gòn cũ không ph□i ch□ có trong □□c m□. Bây gi□ chúng ta c□ vô tình dùng ch□ ngây ngô c□a vi xi thi ch□ng khác gì nh□ vô hình chung chúng ta ch□p nh□n CS (t□□ng t□ nh□ trang đi□n báo c□a đ□ng CSVN hoan h□ ph□ bi□n s□ thao d□□t h□i quân c□a Trung c□ng trên qu□n đ□o tr□□ng sa va Hòang sa c□a Vi□t Nam).

Tôi c□ g□ng thu góp l□i, t□ nhi□u bài vi□t c□a nhi□u tác g□a và t□ kinh nghi□m cá nhân, m□t s□ t□ ng□ (c□a VC và VNCH) thu□c lo□ai "d□ dàng gây hoang mang" này và t□m x□p vào m□t b□ng đ□i chi□u d□□i đây đ□ quí v□ r□ng đ□□ng tham kh□o; tùy ý s□ d□ng; và đ□ may ra giúp quí v□ tránh các tr□□ng h□p đáng ti□c (b□ đ□ng bào chung quanh hi□u l□m "đ□a ch□" c□a mình).
T.V.G.

T□ NG□ VC - T□ NG□ VNCH

□n t□□ng - Đáng ghi nh□, đáng nh□

Bác s□ / Ca s□ - Bác sĩ / Ca sĩ
Bang - Ti□u bang (State)
B□c b□ / Trung b□ / Nam b□ - B□c ph□n / Trung ph□n / Nam ph□n
Báo cáo - Th□a trình, nói, k□
B□o qu□n - Che ch□, gi□ gìn, b□o v□
Bài nói - Di□n văn
B□o hi□m (mũ) - An tòan (mũ)
Bèo - R□ (ti□n)

B□ (đ□p) - Không dùng đ□ng t□ "b□;" ch□ dùng tĩnh t□ (đ□p)
B□i d□□ng (h□i l□?) - Ngh□ ng□i, t□m b□, săn sóc, chăm nom, ăn u□ng đ□y đ□
Bóng đá - Túc c□u
B□c xúc - D□n nén, b□c t□c
B□t ng□ - Ng□c nhiên (surprised)
B□ sung - Thêm, b□ túc

Cách ly - Cô l□p
C□nh báo - Báo đ□ng, ph□i chú ý
Cái A-lô - Cái đi□n th□ai (telephone receiver)
Cái đài - Radio, máy phát thanh
Căn h□ - Căn nhà
Căng (l□m) - Căng th□ng (intense)
C□u lông - Vũ c□u
Ch□nh - Kiêu ng□o, làm tàng
Ch□t l□□ng - Ph□m ch□t t□t (ch□ đ□ c□p ph□m "quality," không đ□ c□p l□□ng "quantity")
Ch□t xám - Trí tu□, s□ thông minh
Ch□ đ□ - Quy ch□
Ch□ đ□o - Ch□ th□, ra l□nh
Ch□ tiêu - Đ□nh su□t
Ch□ nhi□m – Tr□□ng ban, Khoa tr□□ng
Ch□ trì - Ch□ t□a
Ch□a cháy - C□u h□a
Chiêu đãi - Th□t đãi
Chui - Lén lút
Chuyên ch□ - Nói lên, nêu ra
Chuy□n ng□ - D□ch
Ch□ng minh nhân dân - Th□ Căn cu□c
Ch□ đ□o - Chính
Co c□m - Thu h□p
Công đoàn - Nghi□p đoàn
Công nghi□p - K□ ngh□
Công trình - Công tác
C□ b□n - Căn b□n
C□ khí (tĩnh t□!) - C□u k□, ph□c t□p
C□ s□ - Căn b□n, ngu□n g□c
C□a kh□u - Phi c□ng, H□i c□ng
C□m t□ - Nhóm ch□
C□u h□ - C□u c□p

Di□n - Thành ph□n
D□ ki□n - Ph□ng đ□nh

Đ□i h□c m□ - ???
Đào t□ - T□ n□n
Đ□u ra / Đ□u vào - Xu□t l□□ng / Nh□p l□□ng

Đ□i táo / Ti□u táo - N□u ăn chung, ăn t□p th□ / N□u ăn riêng, ăn gia đình
Đ□i trà - Quy mô, c□ l□n
Đ□m b□o - B□o đ□m
Đăng ký - Ghi danh, ghi tên
Đáp án - K□t qu□, tr□ l□i
Đ□ xu□t - Đ□ ngh□
Đ□i ngũ - Hàng ngũ
Đ□ng não - V□n d□ng trí óc, suy lu□n, suy nghĩ
Đ□ng bào dân t□c - Đ□ng bào s□c t□c
Đ□ng thái - Đ□ng l□c
Đ□ng viên - Khuy□n khích
Đ□t xu□t- B□t ng□
Đ□□ng băng - Phi đ□o
Đ□□ng cao t□c - Xa l□

Gia công - Làm ăn công
Gi□i phóng - L□y l□i, đem đi… (riêng ch□ này b□ VC l□m d□ng r□t nhi□u)
Gi□i phóng m□t b□ng - □i cho đ□t b□ng
Gi□n đ□n - Đ□n gi□n
Giao l□u - Giao thi□p, trao đ□i

H□ch toán - K□ toán
H□i quan - Quan Thu□
Hàng không dân d□ng - Hàng không dân s□
Hát đôi - Song ca
Hát t□p - H□p ca
H□t nhân (vũ khí) - Nguyên t□
H□u c□n - Ti□p li□u
H□c v□ - B□ng c□p
H□ qu□ - H□u qu□
Hi□n đ□i - T□i tân
H□ Nhà - Gia đình
H□ chi□u - S□ Thông hành
H□ h□i - Ph□n kh□i
H□ kh□u - T□ khai gia đình
H□i ch□ th□p đ□ - H□i H□ng Th□p T□
Hoành tráng - Nguy nga, tráng l□, đ□ s□
H□ng ph□n - Kích đ□ng, vui s□□ng
H□u h□o - T□t đ□p
H□u ngh□ - Thân h□u
Huy□n - Qu□n

Kênh - Băng t□n (Channel)
Kh□ năng (có) - Có th□ x□y ra (possible)
Kh□n tr□□ng - Nhanh lên
Khâu - B□ ph□n, nhóm, ngành, ban, khoa

Ki□u h□i - Ngo□i t□
Ki□t su□t - Gi□i, xu□t s□c
Kinh qua - Tr□i qua

Làm gái - Làm đi□m
Làm vi□c - Th□m v□n, đi□u tra
L□u năm góc / Nhà tr□ng - Ngũ Giác Đài / Tòa B□ch □c
Liên hoan - Đ□i h□i, ăn m□ng
Liên h□ - Liên l□c (contact)
Linh tinh - V□ v□n
Lính gái - N□ quân nhân
Lính th□y đánh b□ - Th□y quân l□c chi□n
L□i nhu□n - L□i t□c
L□□c tóm - Tóm l□□c
Lý gi□i - Gi□i thích (explain)

Máy bay lên th□ng - Tr□c thăng
Múa đôi - Khiêu vũ
Mĩ – M□ (Hoa k□ -USA)

N□m b□t - N□m v□ng
Nâng c□p - Nâng, ho□c đ□a giá tr□ lên
Năng n□ - Siêng năng, tháo vát
Ngh□ nhân - Th□, ngh□ sĩ
Ngh□ danh - Tên (ngh□ sĩ - stage name) dùng ngoài tên th□t
Nghĩa v□ quân s□ - Đi quân d□ch
Nghiêm túc - Nghiêm ch□nh
Nghi□p d□ - Đi làm thêm (2nd job / ngh□ ph□, ngh□ tay trái)
Nhà khách - Khách s□n
Nh□t trí - Đ□ng lòng, đ□ng ý
Nh□t quán - Luôn luôn, tr□□c sau nh□ m□t
Ng□□i n□□c ngoài - Ngo□i ki□u
N□i ni□m (tĩnh t□!) - V□ suy t□

Ph□n c□ng - C□□ng li□u
Ph□n m□m - Nhu li□u
Ph□n ánh - Ph□n □nh
Ph□n h□i - Tr□ l□i, h□i âm
Phát sóng - Phát thanh
Phó Ti□n Sĩ - Cao H□c
Phi kh□u - Phi tr□□ng, phi c□ng
Phi v□ - M□t v□ trao đ□i th□□ng m□i (a business deal - th□□ng v□)
Ph□c h□i nhân ph□m - Hoàn l□□ng
Ph□□ng án - K□ ho□ch

Quá t□i - Quá s□c, quá m□c

Quán tri□t - Hi□u rõ
Qu□n lý - Qu□n tr□
Qu□ng tr□□ng - Công tr□□ng
Quân hàm - C□p b□c
Quy ho□ch - K□ ho□ch
Quy trình - Ti□n trình

S□c (“shocked)” - Kinh hoàng, kinh ng□c, ng□c nhiên
S□ tán - T□n c□, di t□n
S□ - S□ đoàn
S□c kh□e công dân – Y t□ công c□ng
S□ c□ - Tr□ ng□i

T□p đòan / Doanh nghi□p - Công ty
Tên l□a - H□a ti□n
Tham gia l□u thông (xe c□) - L□u hành
Tham quan - Thăm vi□ng
Thanh lý - Thanh toán, ch□ng minh
Thân th□□ng - Thân m□n
Thi công - Làm
Th□ ph□n - Th□ tr□□ng
Thu nh□p - L□i t□c
Th□ giãn - T□nh táo, gi□i trí
Thuy□t ph□c (tính) - Có lý (makes sense), h□p lý, tin đ□□c
Tiên ti□n - Xu□t s□c
Ti□n công - T□n công
Ti□p thu - Ti□p nh□n, thâu nh□n, lãnh h□i
Tiêu dùng - Tiêu th□
T□ lái - Phi hành đòan
T□ r□i - Truy□n đ□n
Tranh th□ - C□ g□ng
Trí tu□ - Ki□n th□c
Tri□n khai - Khai tri□n
T□ duy - Suy nghĩ
T□ li□u - Tài li□u
T□ - Ti□ng, ch□

Ùn t□c - T□t ngh□n

V□n n□n - V□n đ□
V□n đ□ng viên - L□c sĩ
Vi□n Ung B□□u – Vi□n Ung Th□
Vô t□ - T□ nhiên

Xác tín - Chính xác
Xe con - Xe du l□ch

Tác Giả: Tr□n Văn Giang [ghi chép l□i]
Thứ Năm, 01 Tháng 10 Năm 2009 21:43

Xe khách - Xe đò
X□ lý - Gi□i quy□t, thi hành

(… còn ti□p)

* Quý v□ nào th□y có thêm nh□ng ch□ l□ai này □ đâu đó (?) ho□c th□y s□ đ□i chi□u ch□a đúng (!) thì xin vui lòng mách dùm đ□ nhà cháu b□ túc (không ph□i b□ sung) và s□a đ□i cho đúng (không ph□i là hoàn ch□nh) và cũng đ□ m□i ng□□i cùng ph□n kh□i (không ph□i là h□ h□i) tham kh□o - Đa t□…